

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/DS-ST

Ngày: 13-3-2026

V/v “tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu
cầu tuyên bố văn bản công chứng vô
hiệu, chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Rõn.

Bà Nguyễn Thị Rê.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Kim The - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, chia di sản thừa kế,” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn S - Sinh năm 1967 - Địa chỉ: ấp G, xã M, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Ông Nguyễn Hồ V - Sinh năm 1992 - Địa chỉ: Số B khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. (văn bản ủy quyền ngày 07-11-2024) (có mặt)

Bị đơn: Ông Võ Văn T - Sinh năm 1969 - Địa chỉ: ấp M, xã M, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Võ Văn Ú - sinh năm 1975 - Địa chỉ: B N, phường L, tỉnh Tây Ninh. (văn bản ủy quyền ngày 14-12-2024) (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã M - Địa chỉ trụ sở: ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh T. (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị G - Sinh năm 1970 - Địa chỉ: ấp M, xã M, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

4. Ông Võ Văn T1 - Sinh năm 1955 - Địa chỉ: ấp M, xã M, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

5. Bà Võ Thị H - Sinh năm 1971 - Địa chỉ: ấp M, xã M, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

6. Bà Võ Thị C - Sinh năm 1957 - Địa chỉ: ấp H, xã P, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

7. Bà Võ Thị N - Sinh năm 1958 - Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

8. Bà Võ Thị D - Sinh năm 1961 - Địa chỉ mới: Ấp H, xã T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

9. Bà Võ Thị P - Sinh năm 1982; (vắng mặt)

10. Ông Võ Văn T2 - Sinh năm 1989; (vắng mặt)

11. Bà Võ Thị L - Sinh năm 1985; (vắng mặt)

12. Bà Võ Thị Bé H1 - Sinh năm 1997; (vắng mặt)

13. Bà Võ Thị Bé B - Sinh năm 1997; (vắng mặt)

14. Bà Đào Thị B1 - Sinh năm 1960. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông (bà) H, C, N, D, P, L, H1, Ba, B1: Bà Trần Thị Kim G1 - Sinh năm 1994 - Địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh Tây Ninh. (văn bản ủy quyền ngày 22-3-2024, 27-3-2024, 04-11-2024) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các đơn khởi kiện ngày 19-9-2024, 04-12-2024, 19-02-2025, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Võ Văn S do ông Nguyễn Hồ V đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha ruột ông S là ông Võ Văn D1 (sinh năm 1931, chết năm 1993) và mẹ ruột ông S là bà Võ Thị Đ (sinh năm 1937, chết năm 1972) có với nhau 08 người con chung, bao gồm:

1. Ông Võ Văn S;
2. Ông Võ Văn T1;
3. Ông Võ Văn L1 (sinh năm 1956, chết năm 2019, có vợ tên Đào Thị B1 và những người con Võ Thị P, Võ Văn T2, Võ Thị L, Võ Thị Bé H1, Võ Thị Bé B);
4. Bà Võ Thị C;
5. Bà Võ Thị N;
6. Bà Võ Thị D;
7. Bà Võ Thị H;
8. Ông Võ Văn T;

Ngoài ra, ông D1 và bà Đ không có con riêng hay con nuôi nào khác. Cha, mẹ ông D1, bà Đ chết trước đã lâu.

Trong quá trình chung sống, ông D1 và bà Đ tạo lập được khối tài sản chung là phần đất có tổng diện tích khoảng 11.000m² gồm các thửa 62, 814, 815, 816, 1021, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Khi còn sống D1 chia cho bà C và ông T1 mỗi người 01 con trâu, không chia đất. Còn diện tích đất 11.000m² trên ông D1 chia cho 06 người con còn lại là: ông L1, bà D, bà N, bà H, ông S và ông T mỗi người 1.000m² đất để quản lý, sử dụng. Việc phân chia bằng miệng, không lập thành văn bản, được các con của ông D1 chứng kiến và đồng ý. Tổng diện tích đất còn lại là 5.000m².

Năm 2022, qua tìm hiểu ông S được biết ông T đã đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 5.000m² nêu trên. Sau đó, ông T tặng cho bà G nên các anh chị em nhận thấy quyền lợi bị xâm phạm nên yêu cầu chia thừa kế. Các thửa đất bà G đứng tên gồm 816, 814, 3293 (tách ra từ thửa 814) và 815, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Sau khi thỏa thuận với các anh, chị, em trong gia đình đồng ý không yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất số 816, 814, 3293, dùng làm đất hương quả, còn lại thửa đất số 815 ông S và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D1, bà Đ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật nhưng ông T và bà G không đồng ý.

Ông S khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Võ Văn T ngày 17-12-1997 đối với thửa đất số 815, diện tích 3.112m², tờ bản đồ số 3, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 815, diện tích 2.933m² (diện tích giảm do có một phần diện tích đất bị thu hồi), tờ bản đồ số 3, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An giữa

ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị G được Văn phòng C1 Dự chứng thực số 1338, quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15-4-2021.

- Phân chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 815, diện tích 3.106,2m² (theo đo đạc thực tế), tờ bản đồ số 3, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (hiện nay là thửa 1524, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp M, xã M, tỉnh Tây Ninh) thành 07 phần bằng nhau (trừ ông T). Ông S yêu cầu được nhận thửa đất số 815 và hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế còn lại của ông D1, bà Đ.

Ông S rút lại yêu cầu khởi kiện tuyên vô hiệu văn bản phân chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 815, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Ông S thống nhất kết quả đo đạc, thẩm định và định giá.

- Tại bản tự khai ngày 29-12-2025, quá trình tố tụng bị đơn ông Võ Văn T do ông Võ Văn Ú đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông T thống nhất lời trình bày của ông S về quan hệ huyết thống. Ông T không thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S. Lý do: cha ông T tên Võ Văn D1 (chết năm 1993), mẹ ông T tên Võ Thị Đ (chết năm 1972). Cha mẹ ông T chết không để lại di chúc. Trước khi chết ông D1 có tập hợp các anh chị ông T lại và chia tài sản. Phần đất mà anh chị ông T được chia, ông T đã thỏa thuận mua lại khoảng 6.000m², sau đó ông T đi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với thửa đất số 815 do ông T khai hoang tạo lập, không phải do ông D1 để lại. Ông T là người trực tiếp sử dụng, quản lý, nộp thuế cho nhà Nước từ năm 1994 đến nay được cấp giấy lần đầu vào năm 1997. Khi làm thủ tục cấp giấy do sơ sót nên ghi nhầm đất cha mẹ cho thừa kế. Ngoài ra, ông D1 bà Đ không còn diện tích đất nào khác.

Ông T thống nhất kết quả đo đạc, thẩm định và định giá.

- Tại các đơn khởi kiện ngày 11-11-2024, 12-11-2024, 28-02-2025, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị N1, bà Võ Thị C, bà Võ Thị D, bà Võ Thị H, bà Đào Thị B1, bà Võ Thị P, ông Võ Văn T2, bà Võ Thị L, bà Võ Thị Bé H1 và bà Võ Thị Bé B do bà Trần Thị Kim G1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Các ông (bà) H, C, N1, D, P, L, H1, Ba, B1 thống nhất toàn bộ yêu cầu của ông S. Tuy nhiên, diện tích đất của ông D1 chia cho 06 người con khác với diện tích đất ông T đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các ông (bà) H, C, N1, D, P, L, H1, Ba, B1 khởi kiện yêu cầu:

Vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 815, diện tích 2.933m², tờ bản đồ số 3, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An giữa ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị G được Văn phòng C1 Dự chứng thực số 1338, quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15-4-2021.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với thừa đất số 815, diện tích 3.106,2m² (theo đo đạc thực tế), tờ bản đồ số 3, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (hiện nay là thửa 1524, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp M, xã M, tỉnh Tây Ninh) thành 07 phần bằng nhau (trừ ông T). Bà Nguyễn Thị N1, bà Võ Thị C, bà Võ Thị D, bà Võ Thị H, bà Đào Thị B1, bà Võ Thị P, ông Võ Văn T2, bà Võ Thị L, bà Võ Thị Bé H1 và bà Võ Thị B2 Ba đồng ý tặng cho lại phần của mình cho ông S.

Các ông bà thống nhất kết quả đo đạc, thẩm định và định giá.

- Tại bản tự khai ngày 25-12-2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà là vợ hợp pháp của ông T. Bà được ông T tặng cho hợp pháp thừa đất 815. Bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Trong vụ án này bà không có yêu cầu độc lập.

- Tại bản tự khai không đề ngày tháng năm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T1 trình bày: Thừa đất số 815 do ông Võ Văn T tự khai phá, không phải đất thừa kế như lời trình bày của ông S, bà H, bà C, bà N1, bà D, bà P, ông T2, bà L, bà H1, bà B, bà B1. Lời khai của ông là đúng sự thật, nếu lời khai của ông gian dối ông hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm xử lý vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và chia thừa kế đối với thừa đất 815.

Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng không thành.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T1, bà Nguyễn Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Nông nghiệp và Tài nguyên tỉnh T, Văn phòng C2, Ủy ban nhân dân xã M vắng mặt lần thứ 2 không lý do - nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền: nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập khởi kiện ông T đối với thừa đất số 815 tọa lạc tại ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An hiện nay là thửa 1524,

tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp M, xã M, tỉnh Tây Ninh liên quan nội dung tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, chia di sản thừa kế. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, chia di sản thừa kế”. Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh) theo Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Tòa án đã ban hành công văn yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã M, Ủy ban nhân dân xã M (sau sáp nhập) trả lời về nguồn gốc đất. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã M, Ủy ban nhân dân xã M không trả lời. Vì vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác để giải quyết vụ án.

[3] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 815 bà G xác định không cầm cố, thế chấp nên ghi nhận.

[4] Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất kết quả đo đạc, thẩm định và định giá.

[5] Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không xem xét, sẽ đình chỉ theo quy định pháp luật.

[6] Nội dung:

[6.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông (bà) H, C, N1, D, P, L, H1, Ba, B1 liên quan thửa đất 81, Hội đồng xét xử nhận định:

[6.1.1] Về nguồn gốc đất: nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 815 do ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông T lần đầu vào năm 1997. Lý do: ông S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho là đất do ông D1 bà Đ để lại chưa chia thừa kế. Ông T tự ý đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, chứng cứ duy nhất ông S cho rằng nguồn gốc đất của ông D1 bà Đ để lại là căn cứ vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 ông T đăng ký ghi thể hiện: thửa 62 khai dở năm 1990; thửa 814 đất cha mẹ cho thừa kế; thửa 815 thể hiện dấu như trên “. Trong đơn khởi kiện và suốt quá trình tố tụng nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập cho rằng khi còn sống ông D1 và bà Đ tạo lập khối tài sản chung 11.000m² đất, gồm các thửa 62, 814, 815, 816, 1021, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Năm 1991, ông D1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia cho 06 người con mỗi người 1.000m² đất, còn lại 5.000m² đất. Tuy nhiên, quá trình thu thập chứng cứ từ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Đ thể hiện các thửa đất 62, 814, 815, 816, 1021 do ông T đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 1997, đến năm 2019 ông T được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại

phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi ý kiến cho rằng ông D1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và rút lại yêu cầu khởi kiện tuyên vô hiệu văn bản phân chia di sản thừa kế. Thực tế nguyên đơn không cung cấp được văn bản phân chia thừa kế. Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện diện tích đất 11.000m² ông S cho rằng của ông D1 để lại nếu đối chiếu đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 62, 814, 815, 816, 1021 ông T làm đơn thì tổng diện tích là 14.914m², trong đó có thửa 62 ông T khai nguồn gốc khai dõ năm 90 diện tích 6.710m²; phần còn lại ông T khai đất cha mẹ cho thừa kế chỉ còn 8.204m² (chưa tính phần thu hồi do làm đường). Tất cả nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận khi ông D1 còn sống đã chia tổng diện tích 6.000m², 02 người con không có đất cũng được chia 02 con trâu. Vì vậy, xem như khi ông D1 còn sống đất đã được chia cho các con. Các anh chị chuyển nhượng lại cho ông T nên ông T là người làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng diện tích đất 11.000m² ông D1 để lại khác với diện tích đất ông T đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mâu thuẫn với lời trình bày của nguyên đơn. Tuy nhiên, không có chứng cứ chứng minh ngoài diện tích đất ông T khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông D1 có diện tích đất khác, chia cho các con 6.000m², còn lại 5.000m² như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hơn nữa, ông D1 chết năm 1993. Ông T làm đơn và được cấp giấy năm 1997 đến ngày các đương sự yêu cầu chia di sản thừa kế và có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã M hòa giải cơ sở năm 2022 là 29 năm, gần hết thời hiệu chia di sản thừa kế.

[6.1.2] Về quá trình sử dụng đất: nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng nguồn gốc đất của ông D1 nhưng không cung cấp chứng cứ quá trình ông D1 sử dụng đất. Tại phiên tòa ông T cung cấp chứng cứ là các biên lai thu thuế sử dụng đất từ năm 1994 đến nay. Tại biên bản thẩm định ngày 28-11-2024, hiện trạng đất trồng lúa 62 ngày tuổi. Các đương sự cũng thống nhất đất do ông T, bà G đang quản lý, sử dụng.

[6.1.3] Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 815 cho ông T là đúng quy định pháp luật. Vì ngoài chứng cứ ông S đưa ra để cho rằng việc cấp giấy cho ông T không đúng là căn cứ vào tờ khai ở đơn xin đăng ký. Hơn nữa, đơn xin đăng ký ghi đất cha mẹ cho thừa kế không có nghĩa là quá trình sử dụng do ông D1 sử dụng liên tục, ổn định, lâu dài.

[6.2] Từ căn cứ trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, chia di sản thừa kế liên quan thửa đất số 815 (hiện nay là thửa 1524). Vì, ông T là người làm đơn và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và đứng tên. Các đương sự thừa nhận khi ông D1 còn sống đã chia đất, chia trâu cho các con. Vì vậy, xem như phần của ai người này hưởng, không xác định

thửa đất 815 là di sản ông D1 để lại. Ông T có quyền của người sử dụng đất nên ông T có quyền tặng cho bà G.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[8] Về lệ phí đo vẽ và chi phí thẩm định, định giá tài sản: tổng cộng 36.000.000 đồng chia đều 06 phần (mỗi kỷ phần yêu cầu chia thừa kế), mỗi phần là 6.000.000 đồng, cụ thể: cho 1. ông S; 2. bà Nguyễn Thị N1; 3. bà Võ Thị C; 4. bà Võ Thị D; 5. bà Võ Thị H và 6. bà Đào Thị B1, bà Võ Thị P, ông Võ Văn T2, bà Võ Thị L, Võ Thị Bé H1, bà Võ Thị Bé B. Toàn bộ số tiền ông S đã nộp nên bà Võ Thị C; bà Võ Thị D; bà Võ Thị H và bà Đào Thị B1, bà Võ Thị P, ông Võ Văn T2, bà Võ Thị L, Võ Thị Bé H1, bà Võ Thị B2 Ba có nghĩa vụ trả lại cho ông S.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[9.1] Ông Võ Văn S có nghĩa vụ chịu 600.000 đồng tiền án phí, khấu trừ 1.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, hoàn lại cho ông S 1.300.000 đồng.

[9.2] Bà Nguyễn Thị N1, bà Võ Thị C, bà Võ Thị D thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

[9.3] Bà Võ Thị H có nghĩa vụ chịu 600.000 đồng tiền án phí, khấu trừ 1.347.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, hoàn lại cho bà H 747.500 đồng.

[9.4] Bà Đào Thị B1, bà Võ Thị P, ông Võ Văn T2, bà Võ Thị L, bà Võ Thị Bé H1 và bà Võ Thị B2 Ba có nghĩa vụ chịu 600.000 đồng tiền án phí, khấu trừ 2.847.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, hoàn lại 2.247.500 đồng.

[9.5] Ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị G không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5, 9, 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 161; Điều 165, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 122, Điều 124; Điều 131; Điều 375; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn S đối với bị đơn ông Võ Văn T về việc “yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” đối với thửa đất số 815, diện tích 3.106,2m², tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (hiện nay là thửa 1524, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp M, xã M, tỉnh Tây Ninh).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn S về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, chia di sản thừa kế” đối với bị đơn ông Võ Văn T, yêu cầu cụ thể:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Võ Văn T ngày 17-12-1997 đối với thửa đất số 815, diện tích 3.112m², tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 815, diện tích 2.933m², tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An giữa ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị G được Văn phòng C1 Dự chứng thực số 1338, quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15-4-2021.

- Phân chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 815, diện tích 3.106,2m² (theo đo đạc thực tế), tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (hiện nay là thửa 1524, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp M, xã M, tỉnh Tây Ninh) thành 07 phần bằng nhau (trừ ông T).

Thửa đất có tứ cận:

Đông giáp: đường bê tông

Tây giáp: thửa 1525 Trần Thị Trắng

Nam giáp: Bờ kênh (đất)

Bắc giáp: Thửa 1416, 1417 Nguyễn Thị G.

(độ dài từng cạnh theo Mảnh trích đo địa chính số 07-2025 ngày 10-01-2025 của Công ty TNHH K được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 16-01-2025)

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện phản tố của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị N1, bà Võ Thị C, bà Võ Thị D, bà Võ Thị H, bà Đào Thị B1, bà Võ Thị P, ông Võ Văn T2, bà Võ Thị L, bà Võ Thị Bé H1 và bà Võ Thị B2 Ba đối với bị đơn ông Võ Văn T về việc “tranh chấp liên quan yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, chia di sản thừa kế” đối với thửa đất số 815, diện tích 3.106,2m² (theo đo đạc thực tế), tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (hiện nay là thửa 1524, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp M, xã M, tỉnh Tây Ninh).

3. Về lệ phí đo vẽ và chi phí thẩm định, định giá tài sản: 1. Bà Nguyễn Thị N1; 2. bà Võ Thị C; 3. bà Võ Thị D; 4. bà Võ Thị H và 5. bà Đào Thị B1, bà Võ Thị P, ông Võ Văn T2, bà Võ Thị L, Võ Thị Bé H1, bà Võ Thị B2 Ba có nghĩa vụ trả cho ông S mỗi kỳ phần yêu cầu chia thừa kế là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn S có nghĩa vụ chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí, khấu trừ 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu số 0004747, 0004748 ngày 16-10-2024; số 0004957, 0004960 ngày 21-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ), hoàn lại cho ông S 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị N1, bà Võ Thị C, bà Võ Thị D thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Bà Võ Thị H có nghĩa vụ chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí, khấu trừ 1.347.500 đồng (một triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu số 0004816 ngày 15-11-2024; biên lai thu số 0004997 ngày 12-3-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ), hoàn lại 747.500 đồng (bảy trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Bà Đào Thị B1, bà Võ Thị P, ông Võ Văn T2, bà Võ Thị L, bà Võ Thị Bé H1 và bà Võ Thị B2 Ba có nghĩa vụ chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí, khấu trừ 2.847.500 đồng (hai triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu số 0004817 ngày 15-11-2024; biên lai thu số 0004999, 0005000, 00044998, 0004996, 0004995, 0005001 ngày 12-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ), hoàn lại 2.247.500 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị G không phải chịu tiền án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13-3-2026). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 2 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Gái